

DI TÍCH TIỀN SỬ MUỘN Ở AN GIANG ĐẶC TRƯNG VÀ NIÊN ĐẠI

NGUYỄN QUỐC MẠNH

Nằm trên đồng bằng Tây Nam Bộ, An Giang là một trong những địa bàn tập trung nhiều di tích thời tiền sử. Đặc điểm của các di tích này là phân bố tập trung quanh hệ thống núi sót thuộc các huyện Tịnh Biên, Tri Tôn và Thoại Sơn. Hiện vật ở các di tích rất phong phú, chủ yếu là các hiện vật bằng đá và hiện vật gốm. Chất liệu và loại hình hiện vật cho thấy các di tích này có mối quan hệ với văn hóa Óc Eo ở thời kỳ sau.

Qua so sánh với các di tích đồng đại phát hiện ở vùng đồng bằng Tây Nam Bộ, các di tích tiền sử muộn ở An Giang được xác định niên đại thuộc giai đoạn hậu kỳ kim khí - sơ kỳ sắt trong bảng phân kỳ chung của văn hóa tiền sử ở Nam Bộ Việt Nam, với hai giai đoạn phát triển: giai đoạn I (2.700 năm BP - 2.200 năm BP) và giai đoạn II (2.200 năm BP - 2.000 năm BP).

An Giang là địa bàn vừa có những đặc trưng cơ bản của một vùng đồng bằng châu thổ, vừa là một vùng miền núi với các khối núi sót và thềm phù sa cổ phân bố xen kẽ giữa vùng đồng bằng phù sa mới. Những yếu tố đan xen về mặt địa hình, thổ nhưỡng đã đem lại cho tỉnh này một nền cảnh môi trường đặc trưng, nhưng cũng rất phong phú, đa dạng, thuận lợi cho sự tồn tại và phát triển của con người ngay từ thời tiền sử.

Những dấu tích về văn hóa thời tiền sử ở An Giang được biết đến từ rất sớm. Vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, các học giả người Pháp đã ghi nhận những phát hiện về thời tiền sử

trên vùng đất An Giang của bác sĩ thủy quân người Pháp A. Corre ở khu vực núi Ba Thê năm 1879 (L. Malleret 1969, tr. 111). Trong những thập niên tiếp theo, các phát hiện ở Núi Sập (L. Malleret 1969, tr. 138), cánh đồng Óc Eo... tiếp tục được L. Malleret tổng hợp và phân tích. Từ những phát hiện và ghi nhận có phần ít ỏi này, L. Malleret (1963) đã có nhận thức đầu tiên về thời tiền sử ở vùng đất này khi liên hệ với các di vật văn hóa tiền sử ở miền Đông Nam Bộ, và so sánh với các di tích văn hóa tiền sử ở đông bắc Campuchia (Samrong Sen, Mlu Prei), Lào (Cao nguyên Khò Rạt), Trung Bộ (văn hóa Sa Huỳnh) và Bắc Bộ Việt Nam (văn hóa Đông Sơn).

Sau năm 1975, trên địa bàn tỉnh An Giang tiếp tục có hàng loạt phát hiện mới về văn hóa vật chất thời tiền sử,

Nguyễn Quốc Mạnh. Thạc sĩ. Trung tâm Khảo cổ học, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

đem lại những nhận thức mới quan trọng về thời kỳ này ở An Giang nói riêng cũng như nhận thức về thời tiền - sơ sử ở Nam Bộ nói chung một cách đầy đủ, toàn diện hơn.

1. CÁC DI TÍCH TIỀN SỬ MUỘN Ở AN GIANG

Các di tích tiền sử muộn ở An Giang phân bố trên các thềm phù sa cổ của khu vực miền núi, tập trung trên địa bàn các huyện Tịnh Biên, Tri Tôn và Thoại Sơn.

1.1. Vùng Núi Sam - Bảy Núi

Đây là không gian tập trung chủ yếu của hệ thống núi sót ở miền Tây Nam Bộ, thuộc địa bàn hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, với các nhóm núi: núi Tượng (Tượng Sơn), núi Cẩm (Thiên Cẩm Sơn), núi Cô Tô (Phụng Hoàng Sơn), núi Két (Anh Vũ Sơn), núi Tượng (Liên Hoa Sơn), núi Dài (Ngọa Long Sơn), núi Nước (Thủy Đài Sơn). Các di tích khảo cổ học thời tiền sử được tìm thấy chủ yếu phân bố xung quanh chân núi, trên các địa hình sườn tích (deluvi) hoặc thềm phù sa cổ. Tiêu biểu có các di tích sau:

- *Di tích Gò Cây Tung* (ấp Thới Thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên) nằm trên một quả gò hình bầu dục trải theo hướng đông tây, hơi thoải dốc về phía nam rộng cỡ 11.700m², đỉnh cao 13,5m so với chân ruộng, phạm vi di tích lan rộng ra khu vực ruộng xung quanh chân gò. Di tích được phát hiện năm 1991 với các vết tích đường móng gạch xuất lộ cùng với gạch và gốm vụn, được khảo sát lần thứ hai vào năm 1993. Cho đến nay, di tích

Gò Cây Tung đã qua 4 đợt khai quật và đào thám sát (1994, 1995, 2007, 2008), qua đó phát hiện toàn bộ phần móng nền kiến trúc nằm trên đỉnh gò. Kết quả nghiên cứu đã xác định một cấu trúc địa tầng tích tụ văn hóa cổ gồm hai lớp cư trú thời tiền sử thuộc hai giai đoạn (giai đoạn I: 2.700 - 2.200 BP; giai đoạn II: 2.200 - 2.000 BP) cùng với lớp kiến trúc muộn thuộc giai đoạn hậu Óc Eo (thế kỷ IX - X AD) trên phần đỉnh gò. Hiện vật tiêu biểu trong lớp văn hóa giai đoạn I là các loại vật dụng gốm và công cụ đá mang đặc trưng của giai đoạn hậu kỳ thời đại đồng - sơ kỳ sắt, thể hiện quan hệ chặt chẽ với các di tích đồng đại ở vùng chuyển tiếp thuộc thềm phù sa cổ Đông Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Long An, như Lò Gạch, Gò Cao Su, Gò Ô Chùa. Loại hình di tích - di vật tiêu biểu của lớp văn hóa thuộc giai đoạn II mang nhiều nét tương đồng với các di tích đồng đại khác ở miền Tây Nam Bộ.

- *Di tích An Phú* (thị trấn Xuân Tô, huyện Tịnh Biên) phân bố trên một khu vực gò có diện tích rộng 42.407m², đỉnh gò cao 9m so với mực nước biển, cách di chỉ Gò Cây Tung 8,5km về phía tây bắc. Trên bề mặt đất xuất lộ rất nhiều mảnh gốm thô, giống gốm Gò Cây Tung, rìu đá, mảnh vòng đá, mảnh tước và các di vật khác. Tại hố thám sát năm 2008 có quy mô 1,5m², trong lớp văn hóa tìm thấy đồ đá (1 rìu, 1 vòng tay, 2 bàn mài), 8 mảnh cưa răng, 21 bi gốm, 2 núm nồi, 2 vòi ấm, 11.184 mảnh gốm thô và 12 mảnh xương, sừng, hươu

nai (Phan Thanh Toàn 2011, tr. 18). Cuộc điều tra khảo cổ học năm 2015 đã thu được tại di tích An Phú 2 công cụ đá và 36 mảnh gốm vỡ các loại, có cùng đặc điểm với sưu tập hiện vật ở di tích Gò Cây Tung giai đoạn I.

- *Di tích Gò Cây Sung* (thị trấn Xuân Tô, huyện Tịnh Biên) có phạm vi phân bố 11.000m², cao 5m so với mực nước biển, cách Gò Cây Tung 9,57km về phía tây nam. Trong các hố thám sát tìm thấy các hiện vật đá, mảnh gốm, mảnh sành và xương động vật (2 phác vật riu, 1 mảnh riu, 2 mảnh bàn mài, 1 bùa đeo (đồ trang sức bằng gốm), 1 vôi ám và 1 mảnh nồi nấu kim loại; 1 bát gốm, 3 đạn gốm, 1 mảnh gốm ghè tròn, 1.419 mảnh gốm thô, 2 mảnh sành, 10 mảnh xương động vật) (Phan Thanh Toàn, 2011, tr. 18). Trong cuộc điều tra tháng 5/2015 tiếp tục thu được riu tứ giác, bát và nhiều mảnh vỡ tiêu biểu của các loại vật dụng sinh hoạt. Đặc điểm loại hình hiện vật đá và mảnh gốm Gò Cây Sung tương tự gốm Gò Cây Tung giai đoạn I.

- *Di tích Phum Quao* (xã Tân Lợi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang) có phạm vi phân bố trên không gian rộng khoảng 3 - 4ha, địa hình dạng gò thấp, có đỉnh gò cao hơn mặt ruộng xung quanh khoảng 0,82m - 1,5m và không bị ngập nước vào mùa mưa. Kết quả khảo sát trên khu vực di tích đã ghi nhận gốm cổ xuất lộ nhiều nơi từ rìa chân khu gò đến cánh đồng thấp trũng. Dọc theo đường mương cắt ngang di tích là lớp văn hóa dày hơn 1,3m, chứa dày đặc mảnh gốm vỡ, đặc trưng của loại hình di chỉ cư trú. Loại

hình hiện vật có đặc điểm gần gũi với các di tích ở khu vực Bảy Núi (An Giang) như Gò Cây Tung, Gò Me - Gò Sành, Giồng Xoài... thuộc giai đoạn tiền sử muộn. Niên đại đoán định của di tích vào khoảng 2.500 - 2.000 năm BP với đặc trưng di vật của cả giai đoạn I (2.500 - 2.200 năm BP) và giai đoạn II (2.200 - 2.000 BP).

- *Di tích Gò Me - Gò Sành* (ấp An Bình, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn) có quy mô lớn, phân bố trải rộng trên không gian của hai khu vực gò Gò Me và Gò Sành rộng khoảng 3 - 4ha, từ thềm đất gò nổi cao hơn mặt ruộng khoảng 1,2m - 1,5m lan rộng xung quanh. Di tích được phát hiện năm 1988 (Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải, 1995) và tiếp tục khảo sát trong các năm 2008, 2015 (Nguyễn Quốc Mạnh, 2015).

Lớp tích tụ văn hóa quan sát được trên bờ vách mương đào dẫn nước, dày từ 1,2m đến hơn 1,6m, với số lượng hiện vật tập trung mật độ cao trong lớp đất cát pha, gồm mảnh vỡ đồ gốm và công cụ đá.

Đồ gốm có chất liệu và loại hình rất đặc trưng với các loại hình vật dụng sinh hoạt, như nồi, vò, ly cốc, cà ràng (bếp lò), âu, bát bông... mang đặc điểm tiêu biểu của gốm tiền sử muộn, có sự tương đồng cao với sưu tập gốm Gò Cây Tung (giai đoạn II) và Giồng Xoài.

- *Di tích Gò Châu Thi*: (ấp Tô An, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn) được phát hiện vào khoảng tháng 10/2013. Tháng 11/2013, qua khảo sát thăm định đã

xác định di tích nằm trên khu vực có thể đất gò thấp và dốc (cao khoảng từ 0,4m - 0,7m), có kết cấu đất cát pha, thuộc khu vực thềm phân bậc ở phía nam của chân núi Cô Tô.

Ngoài các mảnh gốm cổ xuất lộ trên bề mặt rộng khoảng 3ha, thì bên dưới lớp đất mặt dày khoảng 0,3m là tầng tích tụ văn hóa dày đến 3,5m với số lượng mảnh gốm vỡ tập trung mật độ cao từ trên xuống dưới⁽¹⁾. Cuộc điều tra tháng 5/2015 tiếp tục thu thập được 88 mảnh gốm đặc trưng của các loại hình đồ đựng (bình, nôi/vò, tô/bát...), cà ràng...

Đặc điểm di tích, di vật của Gò Châu Thi có sự tương đồng cao với nhóm di tích tiền sử ở huyện Tịnh Biên (An Phú, Gò Cây Sung, Gò Cây Tung...) và Tri Tôn (Phum Quao, Gò Me - Gò Sành), có quan hệ chặt chẽ với hệ thống các di tích đồng đại trên bình tuyến phát triển văn hóa tiền sử ở Nam Bộ (Nguyễn Quốc Mạnh, 2013; 2015).

1.2. Khu vực Thoại Sơn - Núi Sập

Thoại Sơn - Núi Sập là một nhóm núi nhỏ phân bố trên địa bàn huyện Thoại Sơn, gồm: núi Ba Thê, núi Trọi, núi Trọc, núi Sập. Đây là không gian có mật độ tập trung rất cao các di tích tiền - sơ sử với các di tích tiêu biểu như: Móp Vắn, Nóp Lê, Óc Eo - Ba Thê, Núi Sập...

Các di tích ở khu vực này phân bố trên các dạng địa hình thềm phù sa cổ, trên đồi - gò, ven chân núi hoặc vùng đồng trũng phù sa mới.

Trong vùng di tích này, khu di tích Óc Eo Ba Thê là trung tâm quan trọng

nhất của văn hóa Óc Eo ở Đồng bằng sông Cửu Long. Khu di tích này bao gồm hai khu vực địa hình là cánh đồng Óc Eo và núi Ba Thê, trải rộng trên một không gian khoảng 400m mỗi chiều (khoảng 160ha) thuộc địa bàn hai tỉnh An Giang (xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn) và Kiên Giang (xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất).

Di tích được phát hiện sớm nhất vào năm 1879 bởi bác sĩ A. Corre, với những công cụ đá thời tiền sử tại Óc Eo - Ba Thê. Sau đó là những “công cụ đá tìm được trong hang Núi Sập có lưỡi mỏng” mà L. Malleret (1970, tr. 9) cho rằng “(những công cụ này) đã được chế tác sau thời kỳ đồng đồ ở Hậu Giang, hoặc đồng thời”.

Tuy nhiên, phát hiện quan trọng nhất về giai đoạn tiền Óc Eo ở đây là các di chỉ cư trú trên cánh đồng Óc Eo từ sau thập niên 1970, đặc biệt tại các địa điểm Giồng Xoài, Gò Tư Trâm, Gò Cây Thị, Gò Cây Da, Gò Óc Eo... Qua đó, các nhà khảo cổ học đã xác định cột địa tầng chuẩn thể hiện mối quan hệ truyền thống trong quá trình phát triển từ thời tiền sử sang sơ sử.

- *Di tích Linh Sơn Nam* (khu di tích Óc Eo - Ba Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang) là di tích mộ vò được phát hiện năm 1998, nằm trong tầng văn hóa sớm nhất ở khu vực Linh Sơn Nam trên sườn núi Ba Thê, trong lớp văn hóa bên dưới các di tích kiến trúc thuộc thời kỳ văn hóa Óc Eo và hậu Óc Eo.

Mộ vò có cấu trúc gồm một vò gốm lớn làm bằng chất liệu gốm bã thực vật, miệng có dáng loe xiên, thành

miệng rộng và có hai rãnh lõm ở mặt trong, vai tròn nở và phình rộng đều xuống thân, lòng vò khá nông và có đáy trũng; phần nắp đây là một đồ đựng dạng tô, sâu lòng có kích thước lớn, với vành miệng đây trùn lên vành miệng vò, làm bằng chất liệu gốm pha cát hạt mịn màu nâu đỏ.

Đồ tùy táng tìm thấy trong mộ vò gồm có 5 hạt chuỗi bằng vàng, 1 hạt chuỗi mã não bị vỡ vụn và những tàn tích của chất hữu cơ.

Đặc điểm cấu trúc và đồ tùy táng trong mộ rất gần gũi cụm di tích mộ chum Phú Hòa, Suối Chồn, đồng thời cho thấy những nét tương đồng với mộ chum ở Giồng Cá Vồ, Gò Ô Chùa thuộc giai đoạn kim khí hậu kỳ (sơ kỳ sắt), niên đại vào khoảng năm 40 - 70 AD (Võ Sĩ Khải, 2004, tr. 243).

- *Di tích Giồng Xoài* (ấp Sơn Hòa, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang) là một gò đất thấp nằm về phía tây của khu di tích Óc Eo - Ba Thê, có kết cấu cát pha màu xám ghi phù sa cổ.

Năm 2001, qua 10 hố thám sát trong phạm vi khoảng 4.000m, đã xác định một lớp cư trú nằm sâu bên dưới lớp cát khoảng 0,4m - 0,7m, dày trung bình 0,5m - 0,55m gồm rất nhiều mảnh gốm vỡ (2.100 mảnh) có các loại chất liệu gốm sét mịn màu nâu sậm có áo vàng cam hay nâu đỏ, dùng làm các loại hình ly cốc, nắp đây, nôi/vò, bát tộ...; chất liệu gốm đen mịn, áo màu xám đen bóng hoặc màu xám trắng đục; gốm trộn nhiều cát hạt thô... của các loại hình nôi, vò

và bát bồng rất đặc trưng; và những viên bi bằng đất nung. Niên đại C14 từ mẫu than củi lấy trong tầng văn hóa cư trú cho kết quả 2.150BP ± 90 AD.

Loại hình di chỉ cư trú, kết cấu địa tầng và sưu tập hiện vật gốm Giồng Xoài có đặc trưng tương tự gốm trong các di tích K9, Giồng Cu (Kiên Giang), Phum Quao, Gò Me - Gò Sành (An Giang), Gò Hàng, Gò Dung, Gò Ô Chùa, Tráp Gáo Miếu... ở vùng Đồng Tháp Mười.

Bên cạnh Giồng Xoài, trên cánh đồng Óc Eo còn phát hiện tầng văn hóa di chỉ cư trú thuộc giai đoạn Óc Eo sớm ở một loạt các di tích như Gò Cây Da, Gò Óc Eo, Lung Lớn, Giồng Cát, Gò Cây Thị... với sưu tập hiện vật gốm, đất nung có liên hệ chặt chẽ với đồ gốm trong các di tích tiền sử muộn ở An Giang và miền Tây Nam Bộ, thể hiện mối quan hệ chuyển tiếp giữa hai thời kỳ này ở An Giang và miền Tây Nam Bộ.

2. ĐẶC TRƯNG VỀ PHÂN BỐ DI TÍCH VÀ LOẠI HÌNH HIỆN VẬT

2.1. Đặc trưng phân bố di tích

Các di tích tiền sử muộn tìm thấy ở An Giang phân bố tập trung xung quanh sườn và chân núi của hệ thống núi sót, tập trung trên địa bàn các huyện Tịnh Biên, Tri Tôn và Thoại Sơn. Địa hình của các di tích gồm: ở thể đất cao (Gò Me - Gò Sành, Phum Quao, Gò Cây Sung); gò nổi cao (Gò Cây Tung, An Phú), trên thềm chuyển tiếp giữa chân núi và mặt ruộng. Nhóm di tích ở địa bàn huyện Tịnh Biên và Tri Tôn thì thường phân bố trên các thềm phù sa

cổ dưới chân núi, cao độ trên 7m so với mực nước biển.

Các di tích đã được khai quật có tầng văn hóa dày từ 0,5m - 4,2m. Trong đó, các di tích ở Tri Tôn, Tịnh Biên có tầng văn hóa dày phổ biến từ 2m đến trên 4m (Gò Cây Tung, Gò Châu Thi); các di tích phân bố trên các gò thấp như Giồng Xoài ở Thoại Sơn thì tầng văn hóa chỉ dày 0,5m - 0,55m.

Ở nhiều di tích, bên trên lớp cư trú thuộc giai đoạn tiền sử muộn thường có lớp kiến trúc thuộc thời kỳ hậu Óc Eo. Nhưng ở các di tích này, giai đoạn văn hóa Óc Eo hoàn toàn vắng bóng.

2.2. Đặc trưng loại hình di tích tiền sử muộn ở An Giang

2.2.1. Di chỉ cư trú và kiểu cư trú nhà sàn

Hình thức cư trú tiêu biểu của các di tích nằm trên các thềm gò cao là lối cư trú trên nhà sàn với vết tích cọc gỗ nhà sàn được ghi nhận ở Phum Quao, Gò Me - Gò Sành, Giồng Xoài, tương tự với lối cư trú ở Gò Tư Trâm giai đoạn I, Gò Cây Thi... thuộc giai đoạn Óc Eo sớm. Kiểu cư trú nhà sàn vốn là một trong đặc trưng tiêu biểu nhất cho lối sinh sống thích nghi với môi trường đồng bằng trũng thấp là một truyền thống văn hóa của cư dân bản địa được hình thành trong quá trình chinh phục và làm chủ đồng bằng.

Cấu trúc địa tầng di chỉ cư trú cùng sự tập hiện vật gắn với các cột địa tầng này là cơ sở tư liệu quan trọng cho việc tìm hiểu mối quan hệ truyền thống trong thời tiền sử ở Nam Bộ, và giữa thời kỳ này với thời kỳ văn hóa Óc Eo.

2.2.2. Di chỉ mộ táng với mộ huyết đất và mộ vò

- *Mộ huyết đất*: mộ huyết đất phát hiện ở di tích Gò Cây Tung phân bố từ đỉnh tới các sườn kề cận, với nhiều lớp mộ khác nhau. Trong cuộc khai quật đầu tiên năm 1994 đã phát hiện 25 ngôi mộ huyết đất có cùng táng thức, chôn không có quan tài trong tư thế nằm co (nằm ngửa, chống chân) theo hướng tây - đông. Các mộ tập trung nhiều nhất trong khu vực dưới sàn lòng phế tích kiến trúc (Tổng Trung Tín, Bùi Minh Trí, 1995).

Cuộc khai quật năm 2007 tiếp tục phát hiện 3 mộ đất trong hố 07GCT.HTS5. Các mộ này bị hủy hoại nặng, các mảnh sọ, răng và đặc biệt là xương vụn của sườn và các chi bị kết dính với nhau. Tuy nhiên, trong những mộ này, ngoài những mảnh sọ và xương chi động vật nhỏ, có thể liên quan đến táng tục ở đây, còn có một số mảnh gốm thô vỡ vụn mà các nhà khai quật năm 1993 - 1995 gọi là “gốm cổ đặc trưng Gò Cây Tung”. Như vậy, nhìn chung mộ táng phát hiện ở Gò Cây Tung đều là loại hình mộ huyết đất, người chết được chôn cùng một tư thế. Đặc điểm riêng của mỗi ngôi mộ được nhận diện qua vị trí, tư thế đặt tay hoặc đồ tùy táng. Tuy nhiên, còn có rất nhiều nghi vấn xoay quanh khung niên đại của khu mộ này căn cứ vào đặc điểm cấu trúc địa tầng, tình trạng xương và đặc điểm cấu trúc mộ táng tại đây.

Việc nhận thức vấn đề này càng khó khăn hơn khi dường như có sự xáo trộn trong cấu trúc địa tầng. Ở đó, đồ

gồm trong đất lấp mộ, gồm trong tầng tích tụ cư trú cũng như gồm trong lớp đất gia cố nền móng kiến trúc đều cùng một loại, trong khi nhiều ngôi mộ bên dưới nền móng kiến trúc được chôn vào sau với huyết mộ được đào cắt xuyên qua nền móng kiến trúc. Do vậy có thể nghĩ di tích kiến trúc muộn hơn di chỉ cư trú và di cốt mộ táng muộn hơn kiến trúc (Tổng Trung Tín, 2008, tr. 212).

Mặc dù vậy, khó có thể phủ định niên đại sớm cho một vài trường hợp, như với mộ 07GCT.TS5(5-6).M3 phát hiện trong hồ thám sát năm 2007. Trong mộ còn ghi nhận được các mảnh xương sọ, xương chi và xương sườn trong tư thế chôn nằm ngửa. Vị trí hạ bộ của người chết có 01 hiện vật cuốc đá màu xám đen cắm đứng.

- *Mộ vò*: phát hiện trong địa tầng di tích kiến trúc Linh Sơn Nam, dưới lớp đất mặt 2,0m, có cấu trúc gồm một vò gốm lớn hình cầu (đường kính 67,0cm, cao 40cm), như đã miêu tả cụ thể ở trên. Đặc điểm cấu trúc và đồ tùy táng trong mộ (các hạt chuỗi bằng vàng, mã não, tàn tích chất hữu cơ) gần gũi với mộ vò ở Giồng Cá Vồ, Gò Ô Chùa, và xa hơn là Phú Hòa, Suối Chồn. Niên đại C14: OE98.LS2/1: 1990 ± 50 BP = 40 ± 50 AD; OE93.LSN: 1880 ± 50 BP = 70 ± 50 AD) (Võ Sĩ Khải, 2004, tr. 242).

Trong tục lệ mai táng thời tiền sử với những ngôi mộ huyết đất thuộc các giai đoạn (thời đại đá mới - sơ kỳ kim khí đến kim khí phát triển) như ở các di tích An Sơn, Cù Lao Rùa, Dốc

Chùa,... đều có những di vật thiết thân chôn theo, từ chiếc rìu đá mài nhẵn chưa sử dụng đến những chiếc bát bồng có kích thước lớn cầu kỳ về kiểu dáng, hoa văn, màu sắc, những chiếc rìu, giáo, qua đồng, khuôn đúc, dọi xe sợi, vòng đeo tay..., cho thấy con người thời tiền sử đã có một quan niệm đầy đủ về một thế giới khác bên cạnh thế giới mà họ đang sống.

Đến thời kỳ tiền sử muộn, cộng đồng cư dân đã có những hình thức mai táng mới, như việc chôn người trong chum (di tích Phú Hòa, Hàng Gòn, Suối Chồn, Giồng Cá Vồ, Giồng Phệt,...), và cả việc làm ra những chiếc chum gỗ để mai táng người chết. Trong giai đoạn này, chôn theo người chết thay vì những chiếc rìu đá là rất nhiều các đồ quý hơn, là sản phẩm của quá trình lao động sản xuất và trao đổi hàng hóa, bởi hoạt động giao thương phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ này.

2.2.3. Di chỉ xưởng thủ công và di chỉ lò sản xuất gốm

Trong tầng văn hóa di chỉ cư trú của các di tích giai đoạn tiền Óc Eo có chứa đựng các vết tích của hoạt động sản xuất thủ công như chế tác gốm, sản xuất đồ trang sức thủy tinh, đá quý, chế tác đồ kim loại.

Những mảnh vòng trang sức bằng đá đang chế tác chưa hoàn thiện, mảnh lõi vòng và dụng cụ bàn mài lõi trong tầng văn hóa di chỉ Gò Cây Tung cho thấy tại đây từng tồn tại hoạt động chế tác đá tiên tiến, đạt trình độ cao với kỹ thuật khoan tách lõi, quy trình chế tác

hoàn chỉnh từ khâu chọn nguyên liệu, tạo phác vật hình đĩa cho đến khoan tách lõi và mài tu chỉnh hoàn thiện.

Bên cạnh xưởng sản xuất đá, trong tầng văn hóa di chỉ Gò Cây Tung có những lớp đất cháy được tìm thấy cùng với những thỏi đất nung hình trụ dài được cho là dụng cụ dùng để kê sản phẩm gốm trong lò nung, tương tự loại hình chân chạc gốm vốn được tìm thấy rất nhiều và phổ biến trong các di tích đồng đại ở lưu vực sông Vàm Cỏ.

3. ĐẶC TRƯNG DI VẬT

3.1. Hiện vật đá

3.1.1. Công cụ đá

Tổng số công cụ đá thu được trước năm 1975 ở các di tích tiền sử muộn ở An Giang là 96 hiện vật. Phần lớn số công cụ đá được tìm thấy là từ di chỉ Gò Cây Tung. Sau các cuộc thám sát, khai quật vào các năm 1994, 1995, 2007, 2008, tìm thêm được 91 hiện vật công cụ đá từ di tích này.

Công cụ đá Gò Cây Tung được làm chủ yếu từ loại đá phiến sừng hạt mịn, gồm có các loại hình như cuốc, rìu tứ giác, rìu tứ giác “có mỏ”, đục.

Ngoài ra còn một số lượng đáng kể các loại công cụ hòn ghè, bàn mài...

Đặc trưng cơ bản của sưu tập công cụ đá Gò Cây Tung là loại hình công cụ tứ giác, được mài nhẵn toàn thân với các rìa cạnh bên mài bo tròn hoặc vát xiên cân đối, tạo nên hai mặt đáy công cụ cong lồi, tiết diện hình oval, hình tang trống, hình thấu kính rất đặc trưng. Ngoài ra, phần đốc công cụ

cũng thường được chế tác cân đối và mài nhẵn tạo rìa cạnh đốc cong lồi.

Tuy nhiên, các điểm đặc trưng rất tiêu biểu thể hiện rõ nét ở phần lưỡi, với phần rìa lưỡi thường cong lồi nhẹ hoặc gần ngang, diện mài hình oval, số ít có hai diện mài trên cùng một mặt - công cụ “có mỏ”.

Theo các nhà khảo cổ học trực tiếp khai quật di tích Gò Cây Tung thì sưu tập công cụ rìu tứ giác và “bôn (rìu) có mỏ” cũng là loại công cụ phổ biến ở Malaysia và Java (Tổng Trung Tín, 2008, tr. 227).

Công cụ đá Gò Cây Tung cũng có đặc trưng chung với sưu tập công cụ đá thời tiền sử phát hiện ở Núi Sập, Ba Thê. Những công cụ này theo L. Malleret (1969, tr. 138) thì đều có mặt cắt lồi ở hai phía (mặt), lưỡi cong lắp thành, có chuôi lắp cán.

Bên cạnh đó, trong sưu tập công cụ đá ở An Giang còn một số lượng đáng kể các loại công cụ mang đặc trưng truyền thống văn hóa tiền sử Đông Nam Bộ với các loại hình công cụ mài nhẵn toàn thân như rìu có vai, rìu tứ giác, đục có tiết diện ngang thân hình chữ nhật...

3.1.2. Vòng trang sức đá

Vòng trang sức đá ở vùng Tứ Giác Long Xuyên được ghi nhận phát hiện từ thập niên 1940 với 1 tiêu bản được tìm thấy ở Gò Cây Thị - khu di tích Óc Eo - Ba Thê (MBB.4180) (L. Malleret, 1970, tr. 46 - 50).

Trong các cuộc khai quật tại di tích Gò Cây Tung 1994, 1995, 2007 và 2008

đã phát hiện thêm 29 hiện vật, gồm 27 mảnh vỡ vòng trang sức bằng đá và 02 tiêu bản lõi vòng (Tổng Trung Tín, Bùi Minh Trí, 1994, 1995; Phạm Đức Mạnh, Đỗ Ngọc Chiến, 2008; Đặng Văn Thắng, 2009).

Các tiêu bản vòng này đều được làm từ loại đá phiến sừng màu xám xanh và xám đen, bóng và cứng chắc. Đa số các vòng đều có tiết diện hình tam giác cân, dẹt (25 hiện vật), chỉ có 2 hiện vật có tiết diện hình chữ D gần vuông.

Đáng chú ý, tại đây còn tìm thấy 2 hiện vật lõi vòng (95GCT.HII(5).18 và 08GCT.H2L3.035) đều là phế phẩm từ quá trình chế tác khoan tách lõi, có đặc điểm kỹ thuật tương tự nhau, còn mang dấu khoan tách lõi từ 2 mặt, đường khoan nơi tiếp giáp hơi lệch nhau, bề mặt lõi phẳng nhẵn, có đường kính 5,8cm và 6,5cm, dày 2,9cm và 2,65cm. Hai hiện vật lõi vòng này cùng với nhiều tiêu bản mảnh vòng có đặc điểm kỹ thuật tương ứng, với mặt trong còn chưa được mài nhẵn để xóa dấu vết của quy trình khoan tách lõi, giúp chúng ta khẳng định những vòng đá này được chế tác tại chỗ bởi cư dân Gò Cây Tung.

Sưu tập vòng đá Gò Cây Tung có sự tương đồng rất cao với sưu tập vòng đá ở di tích Rạch Rừng (Long An) hay các di tích đồng đại ở miền Đông Nam Bộ (Đồi Phòng Không, Bưng Bạc, Bưng Thơm, Cái Lăng...). Đặc biệt, chúng rất gần gũi với vòng đá ở di tích Rạch Rừng (được đoán định trong khoảng 2.500BP - 2.000BP), từ chất

liệu, kiểu dáng, kỹ thuật chế tác cho đến kích thước.

3.2. Hiện vật gốm

Đồ gốm giai đoạn tiền sử muộn ở An Giang tiêu biểu với các sưu tập gốm ở các di tích Gò Cây Tung, Phum Quao, Gò Me - Gò Sành, Giồng Xoài. Trong đó, hai di tích Gò Cây Tung và Giồng Xoài có cột địa tầng chuẩn làm cơ sở cho việc so sánh và nhận thức về quá trình diễn biến loại hình cũng như tìm hiểu mối quan hệ của chúng trên bình diện rộng hơn với các di tích đồng đại ở miền Tây Nam Bộ. Trên cơ sở cột địa tầng khảo cổ học ở di chỉ Gò Cây Tung và Giồng Xoài có thể xác định hai giai đoạn: *Giai đoạn Gò Cây Tung* và *giai đoạn Giồng Xoài*. Trong cột địa tầng của Gò Cây Tung có hai lớp văn hóa I - II, trong đó, đồ gốm trong lớp văn hóa II có đặc điểm tương tự gốm Giồng Xoài. Vì vậy, có thể tạm gọi giai đoạn II của Gò Cây Tung là giai đoạn Giồng Xoài làm căn cứ phân biệt các đặc điểm trong đồ gốm giữa hai giai đoạn này. Ngoài ra, tư liệu từ các di tích An Phú, Gò Cây Sung, Phum Quao, Gò Me - Gò Sành, Gò Châu Thi... sẽ bổ sung thêm cho việc phân định các tập hợp đồ gốm ở hai giai đoạn Gò Cây Tung và Giồng Xoài.

3.2.1. Chất liệu

Gốm tiền sử muộn ở An Giang có các loại chất liệu cơ bản sau:

- Gốm pha cát mịn, xương gốm màu xám nâu, đều đặn và cứng chắc.

Loại gốm này phổ biến trong cả 2 giai đoạn Gò Cây Tung và giai đoạn Giồng Xoài.

* Giai đoạn Gò Cây Tung: gồm có thành phần sét pha cát hoặc bã thực vật, có màu xám, xám đen hay xám đỏ hoặc trắng ngà, độ nung cao, rắn chắc (nhiều mảnh cứng như sành), là nền chất liệu duy nhất, được sử dụng trên tất cả các loại hình vật dụng bằng gốm - đất nung, với đặc trưng dễ nhận thấy nhất là lớp áo gốm màu xám vàng, nâu đỏ, đỏ cam, được tạo nên bằng kỹ thuật xoa - miết láng (áo tự thân), tô - vẽ màu trên miệng và vai đồ đựng.

Do tính phổ biến như vậy nên loại gốm này còn được gọi “*gốm thô truyền thống*” (Phạm Đức Mạnh, 2008).

* Giai đoạn Giồng Xoài: gốm cát mịn có xu hướng thô - xốp hơn với thành phần xương gốm có thêm bã thực vật. Áo gốm thường có màu xám nâu hoặc xám đen, áo xám đen và xám trắng. Cũng như ở giai đoạn Gò Cây Tung, loại gốm này tiếp tục được sử dụng rất phổ biến trên hầu hết các loại vật dụng sinh hoạt (bát bông, tô/bát sâu lòng, nôi, vò kích thước lớn, bình, cà ràng...).

- Gốm pha cát hạt thô lẫn nhiều sỏi sạn thạch anh, xương gốm màu nâu đỏ hoặc xám nâu, gốm cứng chắc và rất thô. Loại chất liệu này được dùng làm các vật dụng sinh hoạt như vò gốm hình cầu kích thước lớn, cà ràng...

- Gốm bã thực vật mịn màu đen, áo xám trắng đục và áo đen bóng, được dùng làm các loại bát bông chân đế hình trụ - cao, nôi/vò hình cầu có miệng loe xiên khum, ly cốc...

- Gốm sét mịn, xương gốm màu xám vàng, áo màu vàng cam hoặc nâu đỏ, xương gốm rất đều đặn và cứng chắc, màu sắc tươi, có tính thẩm mỹ cao, được dùng làm các loại bình, bình có vòi, vò hình cầu, nắp vung, ly cốc.

Nhìn chung, gốm ở giai đoạn Giồng Xoài tiêu biểu với ba loại chất liệu: gốm pha cát (thô và mịn), gốm bã thực vật đen mịn và gốm sét mịn màu vàng cam. Trong đó, gốm thô cát tiếp nối giai đoạn Gò Cây Tung tiếp tục chiếm số lượng cao bên cạnh hai loại chất liệu gốm mịn đen và gốm mịn màu vàng cam.

3.2.2. Loại hình

* Đặc trưng loại hình đồ gốm giai đoạn Gò Cây Tung

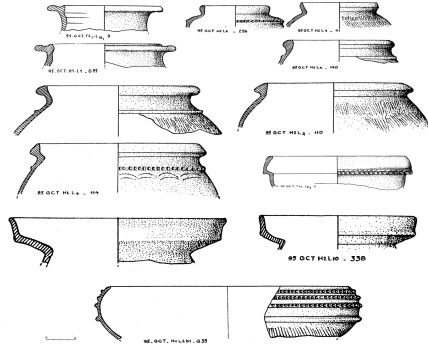
Gốm giai đoạn này đa phần là gốm thô và trơn. Các mảnh có hoa văn phần lớn có nguồn gốc kỹ thuật (văn thừng hay chải với các cỡ thô - mịn khác nhau), thường tạo phủ kín thân và đáy đồ đựng theo chiều dọc, hoặc cắt chéo nhau tạo thành hình thoi hay ô vuông nhỏ và các dạng văn khác (đắp nổi hay khắc vạch) (Phạm Đức Mạnh, 2008).

Về loại hình, gốm Gò Cây Tung gồm các kiểu loại nôi truyền thống ở Nam Bộ - nôi hình cầu và hình gần bầu dục; các kiểu đĩa hay bát nông lòng đáy bằng, đáy tròn hay có chân đế dày thô và ngắn, đa phần đáy tròn, rất ít kiểu đáy bằng và gốm có chân đế (Phạm Đức Mạnh, 2008).

- *Loại hình miệng gốm*

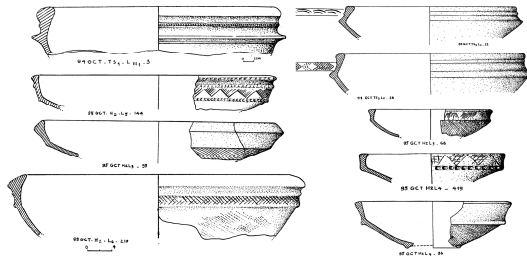
+ Miệng nôi có dáng loe xiên cong, vành miệng bẻ lật ra ngoài. Loại

miệng này tiếp tục tồn tại ở giai đoạn muộn hơn - tiền Óc Eo trên nền chất liệu gốm đen mịn có áo màu xám trắng đục hoặc áo mỏng đen bóng.



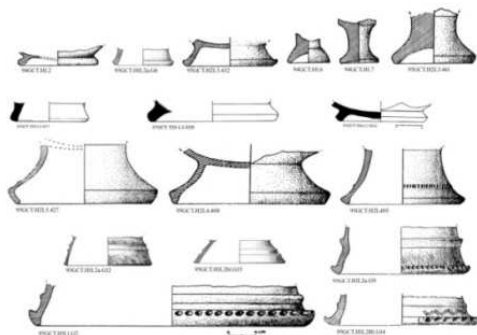
+ Loại đồ đựng có thân hình cầu thường có dáng miệng loe xiên, loe cong với thành miệng rộng, một số có đắp gờ nổi trên vành mép miệng.

+ Loại miệng có dáng loe khum với vành miệng bẻ gấp vào trong cũng rất phổ biến.



- *Loại hình chân đế:*

Phổ biến là loại có dáng cao, loe choãi



với các kiểu loe khum, loe xiên thẳng hoặc hơi xiên cong, bên ngoài bề mặt chân đế thường trang trí những gờ nổi sắc mép, một số kết hợp in những dấu lõm nổi tiếp nhau hoặc ấn hình lượn sóng. Trên mặt đế cũng thường được trở lổ đối xứng nhau mang tính chất trang trí.

Bên cạnh các loại hình đồ đựng trên đây, trong sưu tập gốm Gò Cây Tung còn có một số loại hình đặc trưng thể hiện sự phát triển liên tục từ giai đoạn Gò Cây Tung sang giai đoạn Giồng Xoài, như tô/bát sâu lòng, nắp đậy, cà ràng.

- *"Nồi nấu kim loại":*

Loại hình hiện vật được gọi là "nồi nấu kim loại" có đặc điểm chung là chất liệu gốm thô (sét pha cát và bã thực vật), xương gốm rất dày, nặng, dáng hình cầu, đáy tròn với thành miệng khum (đứng hoặc cong khum). Tuy nhiên, chức năng và tên gọi của sưu tập hiện vật đồ đựng này còn cần tiếp tục được làm rõ trong tương lai.

+ Nồi loại 1: hình cầu, đáy tròn bẹt, miệng cong khum, đặc điểm nổi bật là trên vành miệng vuốt tạo viền nổi tròn tách biệt rõ so với phần thân.

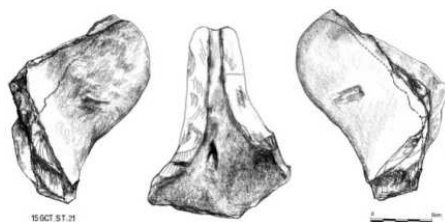
+ Nồi loại 2: hình cầu, đáy tròn nông lòng hoặc bẹt, thành miệng cong khum đều vào trong, mép miệng vuốt tròn đơn giản.

+ Nồi loại 3: hình cầu, đáy tròn nông lòng hoặc bẹt, thành miệng xiên khum vào trong với dáng gần như thẳng, vành mép miệng vuốt tròn đơn giản hoặc vuốt bằng.

+ Nồi loại 4: hình cầu, sâu lòng, đáy thường tròn. Thân liền với phần miệng đứng thẳng, hơi cong khum nhẹ, vành mép miệng vuốt cong khum vào trong hoặc vuốt tròn.

- Cà ràng: được tìm thấy ở các di tích Gò Cây Tung, An Phú, Gò Cây Sung, Gò Me - Gò Sành, Phum Quao... Về cơ bản, cà ràng của các di tích này được làm bằng làm bằng chất liệu sét pha cát hạt mịn, thường có màu xám nâu cứng chắc, lớp áo màu nâu đỏ hoặc nâu vàng. Phần đầu mũi bẹt và ngắn, nối liền với phần vành và thân, được chế tác bằng kỹ thuật đắp một "con trạch" dài hình trụ tạo khung, sau đó đắp phần thân và vành mép kết nối các đầu mũi cà ràng với nhau. Trên mỗi phần đầu mũi đều có dấu vết lỗ xoắn dây để cố định các trạch đất làm khung với nhau.

Cà ràng loại này được tìm thấy trong các lớp văn hóa thuộc giai đoạn I của Gò Cây Tung cũng được phát hiện ở các di tích An Phú, Phum Quao.



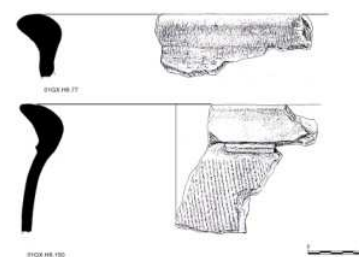
* Đặc trưng loại hình đồ gốm giai đoạn Giồng Xoài:

Giai đoạn này tiếp tục phổ biến các loại đồ đựng kích thước lớn trên nền chất liệu gốm thô cát, nhưng cũng có những đồ gốm làm bằng chất liệu sét mịn, gốm bã thực vật... Sản phẩm thời kỳ này cơ bản là loại đồ đựng

như nồi/vò có thân hình cầu và các loại bình.

- Nồi-vò gốm:

+ Loại đồ đựng này có thân hình cầu, đáy tròn sâu lòng, xương gốm rất dày (0,7cm - 1,2cm) có miệng loe cong, vành miệng vuốt dày ra ngoài tạo tiết diện hình chữ D. Đường kính miệng 48 - 52cm. Mặt ngoài có vân thừng đập chéo từ dưới vai xuống đáy.



+ Vò hình cầu có miệng loe xiên và khum nhẹ, vành mép miệng vuốt rộng với bề mặt vuốt xiên nhẹ từ trong ra ngoài, tạo hai gờ tròn trong và ngoài vành miệng, rộng bản với bề mặt các đường chỉ chìm chạy quanh, cách đều nhau.



+ Nồi thân hình cầu là tên gọi chung loại nồi có dáng tròn từ vai xuống thân và đáy. Đặc trưng cơ bản là kiểu miệng loe lật với thành miệng rộng, mép miệng vê tròn.



Các kiểu - loại nồi gốm này cũng rất phổ biến trong các di tích tiền sử muộn ở An Giang cũng như trong giai đoạn Óc Eo sớm.

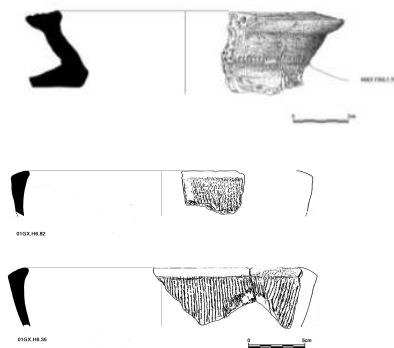
- Bình gốm:

Có hai loại: bình có thân hình cầu và bình có vôi.



Giai đoạn Giồng Xoài của di tích Gò Cây Tung chưa tìm thấy tiêu bản nguyên dạng của loại bình này nhưng trong các di tích Giồng Xoài, Phum Quao, Gò Me - Gò Sành và lớp văn hóa bên trên của di chỉ Gò Cây Tung có tìm thấy những tiêu bản vôi bình. Vôi có dáng xiên thẳng, hình nón cụt, thân tròn mập, đầu vôi thu nhỏ đơn giản (dài trung bình 4cm - 4,4cm). Loại vôi bình này tiếp tục tìm thấy phổ biến trong lớp văn hóa sớm ở các di chỉ cư trú Gò Cây Thị, Gò Tư Trâm... thuộc giai đoạn Óc Eo sớm.

- Tô sâu lòng:



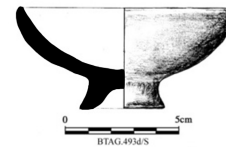
Loại hình tô sâu lòng có dáng thân loe xiên khum, thành miệng bẻ cong vào

trong, mặt ngoài phần thân có văn thừng đập dọc. Một số tiêu bản có trổ lỗ trên thân gắn với thành miệng.



Hiện vật BTAG.5669: sưu tầm ở khu vực Tịnh Biên, có kích thước lớn và sâu lòng, vỡ mất một góc nhỏ ở thân và vành miệng (cao 10cm; đường kính miệng 20,5cm; đường kính đế 8,4cm; dày 0,63cm). Tô có chân đế thấp, dáng loe choãi nhẹ với mép đế vuốt đơn giản. Đáy tròn loe rộng đều từ đáy lên miệng. Vành miệng vuốt vát xiên vào trong, tạo gờ nổi tròn gập vào bên trong vành miệng. Mặt ngoài thân đồ đựng có dấu văn thừng đập xiên dày đặc, nét thừng sắc, rõ. Lòng trong tô có lớp muội than màu đen.

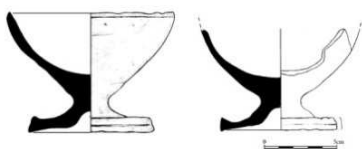
- Bát bồng:



Hiện vật BTAG.493d/S (TS90/AG.94GM.153), sưu tầm tại di tích Gò Cây Tung năm 1990, có kích thước nhỏ, còn nguyên dạng (cao toàn bộ 4,8cm; đường kính vành miệng 9,7cm; eo đế 3cm; vành đế 3,6cm). Bát bồng có chân đế khá nhỏ, dáng loe cong, vành đế vuốt bằng. Phần đồ đựng phía trên hình đĩa sâu lòng, thân và thành miệng loe khum, vành mép miệng vuốt sắc cạnh

- Ly cốc:

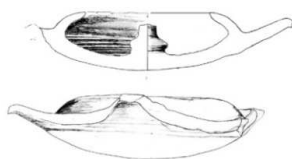
Những loại hình đặc trưng là ly cốc chân cao, bát bồng có chân đế dáng cao loe choãi, và bát bồng có chân rất cao hình ống. Những hiện vật thuộc loại ly cốc và bát bồng trên đây thuộc giai đoạn tiền Óc Eo được làm bằng chất liệu gốm bã thực vật mịn. Trong lòng đồ đựng thường được xoa, miết láng bằng một lớp màu đen bóng.



- *Nắp vung*:

Nắp vung được phát hiện trong lớp văn hóa II của di chỉ Gò Cây Tung, di chỉ Giồng Xoài và sưu tầm ở các di tích Gò Me - Gò Sành, Phum Quao, là loại nắp vung đặc trưng tiêu biểu của giai đoạn Giồng Xoài. Nắp hình đĩa với vành nắp loe lật ra ngoài, trong lòng nắp có vành móc tròn đường kính lớn, chính giữa là núm cầm hình mũ đỉnh.

Loại nắp đậy này cũng được tìm thấy trong các di tích tiền sử muộn ở lưu vực Vàm Cỏ như Gò Hàng, Vĩnh Châu Á.

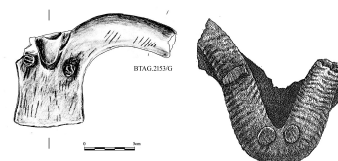


- *Cà ràng*:

Cà ràng được tìm thấy phổ biến ở các di tích Gò Cây Tung, Phum Quao, Gò Me - Gò Sành, Giồng Xoài, Gò Châu Thi. Cà ràng có 2 loại hình sau:

+ *Cà ràng có mũi hình “đầu cá sấu”*: loại cà ràng có mũi hình “đầu cá sấu” cũng được làm bằng kỹ thuật đắp trạch làm khung đỡ dọc theo bên dưới phần mũi, nối phần mũi với phần đáy. Mũi được đắp dày tạo thành một khối thuôn dài gần giống hình trụ, thu hẹp và rộng dần ra đầu mũi, trông giống đầu cá sấu. Bề mặt trên bằng phẳng có 2 chấm tròn nổi ở hai bên, có những đường rãnh văn thừng song song phủ kín trên bề mặt do kỹ thuật bàn đập.

+ *Cà ràng có mũi hình “mũi thuyền”*: Nhìn tổng thể cà ràng này có hình dáng giống hình mũi thuyền, được làm hoàn toàn bằng kỹ thuật nặn và uốn tạo hình, kỹ thuật đắp trạch làm khung đỡ cho phần mũi không còn sử dụng. Phần mũi và thân mỏng - nhẹ hơn, uốn cong thu nhỏ về phía mũi. Bề mặt trên vành mép được vuốt bằng với viền mép rộng bản và thường có vạch khắc hình xương cá hay lá dừa nước trên vành mép, giữa đầu mũi là vạch chéo tạo thành những ô vuông.



Loại cà ràng này tiếp tục tồn tại trong giai đoạn sớm văn hóa Óc Eo, không có nhiều thay đổi về chất liệu, kỹ thuật, kiểu dáng, nhưng xuất hiện kỹ thuật trang trí văn in trên vành mép. Sang giai đoạn Óc Eo phát triển, kỹ thuật và kiểu dáng của nó trở nên rất phổ biến

song có sự thay đổi nhiều: chất liệu đa dạng (sét pha cát, sét trộn bã thực vật lẫn vỏ trấu đặc trưng của văn hóa Óc Eo thế kỷ IV - VII AD); phần đầu mũi dài hơn, độ uốn cong giữa vành - thân với đầu mũi nhiều hơn, trên vành mép cả rãnh trang trí bằng kỹ thuật in hình học rất phổ biến.

4. NIÊN ĐẠI

4.1. Niên đại C14

* Di tích Gò Cây Tung:

Các kết quả phân tích niên đại C14 trong lớp văn hóa sớm nhất của Gò Cây Tung qua ba cuộc thám sát và khai quật lần lượt như sau:

- Mẫu 95GCT-H1 (sâu 2,77m): $2.870 \pm 60BP = 920 \pm 60BC$.

- Mẫu 95GCT-H2 (sâu 1,60m): $2.750 \pm 60BP = 800 \pm 60BC$ (Tống Trung Tín, 2008, tr. 212)

- Mẫu than gỗ 07GCT.TS5.T5 (sâu 0,75m): $2.960 \pm 80 BP = 1.010 \pm 80 BC$ (Phạm Đức Mạnh, Đỗ Ngọc Chiến, 2008, tr. 116).

Mẫu 08GCT.H2L3 (sâu 0,4m): $2.600 \pm 90 BP = 650 BC$.

Mẫu 08GCT.H2L6D3 (sâu 1,3m): 2.680 ± 90 năm BP = 730 BC (Đặng Văn Thắng, 2009, tr. 205).

- 08GCT.H11 (sâu 2,6m): 2.670 ± 60 năm BP (Phan Thanh Toàn, 2011, tr. 22).

- Kết quả phân tích niên đại C14 mẫu than gỗ thu được trong lớp muộn nhất của hố thám sát năm 2007 07GCT.TS4T2 (sâu 1,0m): $1.050 \pm 45 AD = 900 \pm 45 BP$ (Phạm Đức Mạnh, Đỗ Ngọc Chiến, 2008, tr. 116).

* Linh Sơn Nam:

Kết quả phân tích niên đại C¹⁴ của mộ vò Linh Sơn Nam:

Mẫu than LS2/1 lấy trong lớp mộ cho niên đại $1.990 \pm 50BP = 40 \pm 50AD$.

Mẫu LS93 lấy trong lớp văn hóa tương đương cho niên đại $1.880 \pm 50 BP = 70 \pm 50 AD$ (Võ Sĩ Khải, 2002, tr. 138).

* Giồng Xoài:

Niên đại C¹⁴ từ mẫu than củi lấy trong tầng văn hóa cư trú cho kết quả $2.150 \pm 90 AD$ (Đào Linh Côn, 2002, tr. 27).

4.2. Niên đại và các giai đoạn phát triển thời tiền sử muộn ở An Giang

Như vậy, các phát hiện Gò Cây Tung (1994, 1995, 2007, 2008), Giồng Xoài (2001) đã mang lại những chuyển biến sâu sắc trong nhận thức về thời tiền - sơ sử ở Nam Bộ. Trong đó có việc nhận thức về các vấn đề căn bản của nền văn hóa này, và một khung niên đại gắn với phổ hệ phát triển cụ thể đã dần được xác lập.

So sánh đặc điểm loại hình học đồ đá (công cụ, vòng đá), đồ gốm - đất nung cho thấy các di tích tiền sử muộn ở An Giang có quan hệ chặt chẽ cả về mặt đồng đại lẫn lịch đại với các di tích tiền sử muộn ở Nam Bộ, có khung niên đại kéo dài từ khoảng 2.700 BP đến đầu Công nguyên.

Đặc điểm diễn biến loại hình hiện vật đá, gốm kết hợp tư liệu cột địa tầng khảo cổ học ở các di tích Gò Cây Tung, Giồng Xoài kết hợp tham khảo kết quả phân tích C14 cho thấy có 2

giai đoạn sớm - muộn trong quá trình phát triển thời tiền sử ở An Giang:

- Giai đoạn I: 2.700 BP - 2.200 BP.

- Giai đoạn II: 2.200 BP - 2.000 BP.

Giai đoạn I tiêu biểu với lớp văn hóa sớm của Gò Cây Tung, có cùng đặc điểm với những tư liệu nhận thức được thông qua khảo sát ở các di tích Gò Cây Sung, An Phú, Phum Quao, Gò Me - Gò Sành, Gò Cây Thị... Các di tích này đều được tìm thấy phân bố trên thềm đồi - gò phù sa cổ của vùng Núi Sam - Bảy Núi.

Giai đoạn II tiêu biểu với di chỉ cư trú Giồng Xoài, Gò Cây Tung (giai đoạn II), Gò Me - Gò Sành, Phum Quao, Linh Sơn Nam... Các di tích thuộc giai đoạn này phân bố trên cả hai khu vực thềm cao phù sa cổ của vùng Núi Sam - Bảy Núi và vùng đồng bằng trũng - thấp. Tuy nhiên, xét trên mật độ và đặc điểm phân bố của các di tích giai đoạn này có thể thấy xu hướng phân bố xuống những vùng địa hình thấp trũng, tiêu biểu với loại hình di chỉ cư trú trên nhà sàn phân bố ở các gò - giồng nổi thấp.

Từ kết quả phân tích, so sánh trên đây, có thể thấy khả năng ở các di

tích Phum Quao, Gò Me - Gò Sành, Gò Châu Thi cũng có hai giai đoạn Gò Cây Tung và Giồng Xoài.

KẾT LUẬN

Sau nhiều thập kỷ phát hiện và nghiên cứu, khảo cổ học đã xác định một hệ thống di tích tiền sử muộn tập trung trên thềm phù sa cổ thuộc cụm núi sót phân bố trên địa bàn tỉnh An Giang.

Các di tích tiền sử muộn ở An Giang có đặc trưng loại hình di tích - di vật đa dạng, rất phong phú, vừa có mối quan hệ chặt chẽ với truyền thống văn hóa tiền sử ở Nam Bộ, vừa cho thấy các mối quan hệ trao đổi văn hóa mạnh mẽ với bên ngoài, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á hải đảo.

Các di tích tiền sử muộn ở An Giang có khung niên đại vào khoảng 2.700 năm đến 2.000 năm BP, trong đó giai đoạn I (2.700 năm BP - 2.200 năm BP) và giai đoạn II (2.200 năm BP - 2.000 năm BP).

Các di tích tiền sử muộn ở An Giang là nền tảng văn hóa bản địa, có vai trò đặc biệt quan trọng góp phần hình thành và phát triển văn hóa Óc Eo vào thiên niên kỷ I sau Công nguyên. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Hồ khai quật do Ban Quản lý Di tích Văn hóa Óc Eo tỉnh An Giang thực hiện năm 2013 - 2014. Tư liệu chưa công bố.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đào Linh Côn. 2002. *Báo cáo khai quật di tích Giồng Xoài (huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang) năm 2001*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
2. Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải. 1995. *Văn hóa Óc Eo - những khám phá mới*.

Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

3. Louis Malleret. 1959. *Khảo cổ học Đồng bằng sông Cửu Long - tập 1 (Các di tích văn hóa Óc Eo)*. B.E.F.E.O, Paris (bản dịch: Trúc Đình, 1969).
4. Louis Malleret. 1960. *Khảo cổ học Đồng bằng sông Cửu Long - tập 2 (Di vật văn hóa Óc Eo)*. B.E.F.E.O, Paris (bản dịch: Trúc Đình, 1970).
5. Louis Malleret. 1962. *Khảo cổ học Đồng bằng sông Cửu Long - tập 3 (Văn minh Phù Nam)*. B.E.F.E.O, Paris (bản dịch: Trúc Đình, 1970).
6. Louis Malleret. 1963. *Khảo cổ học Đồng bằng sông Cửu Long - tập 4 (Vùng thượng Bassac)*. B.E.F.E.O, Paris.
7. Nguyễn Quốc Mạnh. 2013. *Báo cáo kết quả điều tra di tích khảo cổ học ở Cô Tô (huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
8. Nguyễn Quốc Mạnh. 2015. *Báo cáo kết quả điều tra các di tích tiền sử muộn ở An Giang, thuộc đề tài Các di tích tiền sử muộn ở An Giang – đặc trưng và niên đại*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
9. Phạm Đức Mạnh. 2008. *Di sản văn hóa vật thể “tiền Óc Eo” ở Nam Bộ - hiện trạng và bản chất lịch sử*. Trong *Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
10. Phạm Đức Mạnh, Đỗ Ngọc Chiến. 2008. *Những di tích - di vật thuộc truyền thống văn hóa Óc Eo ghi nhận ở An Giang*. Trong *Nam Bộ đất và người*, tập IV. TPHCM: Nxb. Trẻ.
11. Phan Thanh Toàn. 2011. *Khảo cổ học tiền sử ở An Giang và vấn đề nguồn gốc văn hóa Óc Eo*. Tạp chí Khảo cổ học, số 1/2011.
12. Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí. 1995. *Báo cáo khai quật di tích khảo cổ học Gò Cây Tung (An Giang)*. Tư liệu Thư viện Viện Khảo cổ học. Hà Nội.
13. Đặng Văn Thắng và nhiều người. 2009. Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia TPHCM: *Các di tích khảo cổ học tiền Óc Eo ở Tây Nam Bộ*. Tư liệu Khoa Sử - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.
14. Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí. 1994. *Báo cáo kết quả khai quật di tích Gò Cây Tung lần thứ nhất*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.
15. Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí, Nguyễn Minh Sang. 1995. *Khai quật di tích Gò Cây Tung (An Giang) lần thứ nhất*. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1994*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
16. Tống Trung Tín. 2008. *Đóng góp vào việc nghiên cứu văn hóa Nam Bộ*. Trong *Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
17. Võ Sĩ Khải. 2002. *Văn hóa đồng bằng Nam Bộ (Di tích kiến trúc cổ)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
18. Võ Sĩ Khải. 2004. *Di tích Linh Sơn Nam (xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang)*. Trong *Một số vấn đề khảo cổ học ở miền Nam Việt Nam*.